

GDP 6 tháng đầu năm của Việt Nam tăng 7,52%; rủi ro gia tăng trong thời gian tới

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Nền kinh tế Việt Nam tăng 7,96% trong Q2/2025 - vượt dự báo của chúng tôi (tăng 7,1%) và trung vị khảo sát của Bloomberg (tăng 6,85%) - nâng tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2025 lên 7,52% (mức tăng mạnh nhất trong nửa đầu năm kể từ năm 2011). Tăng trưởng trong quý diễn ra trên diện rộng.
- KNXX và KNNK tăng mạnh chủ yếu nhờ hoạt động thương mại được đẩy mạnh trước khi giai đoạn tạm hoãn thuế quan kết thúc, bên cạnh FDI thực hiện đạt mức cao nhất trong nhiều năm và đầu tư công tăng tốc, trở thành động lực chính hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2025.
- Tuy nhiên, rủi ro đang dần gia tăng trong 6 tháng cuối năm 2025 do số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu giảm dần, du lịch suy yếu cùng những lo ngại về chính sách thuế cho hộ kinh doanh mặc dù nhu cầu xuất khẩu có thể nhanh chóng phục hồi nếu mức thuế suất mới công bố được xác định rõ ràng. Từ đó - và sau khi phân tích toàn diện hơn - HSC vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2025 đạt 6,5%.

Việt Nam tăng trưởng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2025

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,52% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2025 - mức tăng mạnh nhất trong nửa đầu năm kể từ năm 2011, vượt dự báo của chúng tôi (tăng 7,1%) và trung vị của cuộc khảo sát của Bloomberg (tăng 6,85%) - nhờ tăng trưởng diện rộng trên toàn nền kinh tế. Những ngành đóng góp chính cho tăng trưởng bao gồm ngành công nghiệp chế biến & chế tạo, xây dựng, vận tải và dịch vụ lưu trú. Trong khi đó, về phía cầu, tiêu dùng hộ gia đình và tích lũy tài sản cũng cải thiện. Doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ tăng ổn định bất chấp những ảnh hưởng từ chính sách thuế mới cho các doanh nghiệp nhỏ trong khi lạm phát vẫn được kiểm soát ở mức 3,27% so với cùng kỳ.

Thương mại & hoạt động đầu tư vững chắc

KNXX và KNNK tăng mạnh lần lượt 14,5% và 17,9% so với cùng kỳ nhờ hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu sang Mỹ trước khi giai đoạn đàm phán thuế quan kết thúc, trong đó KNXX sang Mỹ tăng hơn 30% so với cùng kỳ trong 4 tháng liên tiếp. Dòng vốn FDI mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2025 với FDI thực hiện đạt mức cao nhất trong 5 năm và FDI đăng ký tăng hơn 30% so với cùng kỳ. Đầu tư công cũng tăng tốc, trong đó giải ngân ngân sách cải thiện và góp phần vào nhu cầu chung của nền kinh tế.

Khó khăn xuất hiện

Sau khi tăng trưởng mạnh mẽ trong 6 tháng đầu năm 2025, rủi ro trong 6 tháng cuối năm 2025 gia tăng, trong đó số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu liên tục giảm trong tháng thứ 8 liên tiếp, dựa trên chỉ số PMI gần đây. Tuy nhiên, nhu cầu xuất khẩu có thể nhanh chóng phục hồi sau khi mức thuế suất được công bố mới được xác định rõ ràng, đặc biệt là sau ngày 1/8/2025. Xin nhắc lại, Tổng thống Trump gần đây đã tuyên bố Việt Nam sẽ chịu mức thuế suất 20% đối với hàng hóa chung và 40% đối với hàng hóa trung chuyển - đều thấp hơn mức thuế suất cao ban đầu. Sự phục hồi của hoạt động xuất khẩu cũng sẽ phụ thuộc vào các quốc gia xuất khẩu cạnh tranh khác hiện đang phải đối mặt với những bất ổn thậm chí còn lớn hơn.

Trong khi đó, đà tăng trưởng của ngành du lịch có dấu hiệu chững lại, với số lượng du khách sụt giảm trong tháng thứ 3 liên tiếp, cho thấy đà phục hồi sau dịch COVID-19 có thể đã đạt đỉnh và sự cần thiết của các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, đặc biệt là thông qua việc mở rộng chính sách miễn thị thực. Cuối cùng, lo ngại từ các hộ kinh doanh gia đình về chính sách thuế mới sẽ cần tiếp tục theo dõi để đánh giá tác động tới thị trường bán lẻ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/7.

Biểu đồ 1: Xu hướng của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính, Việt Nam

CPI tăng trong tháng 6, đánh dấu tháng tăng thứ hai liên tiếp, với mức đóng góp từ nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng; trong khi đó, chỉ số PMI cho thấy hoạt động sản xuất tiếp tục suy giảm lần thứ 5 trong 6 tháng qua, phản ánh tình trạng suy yếu kéo dài của lĩnh vực này

	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25
CPI (y/y%)	4.44	4.34	4.36	3.45	2.63	2.89	2.77	2.94	3.63	2.91	3.13	3.12	3.24	3.57
Doanh số bán lẻ (y/y%)	9.9	3.9	12.0	8.4	7.1	9.4	8.4	10.8	9.9	11.3	7.6	9.1	9.5	8.3
Kim ngạch xuất khẩu (y/y%)	19.5	13.3	20.9	15.5	11.2	10.7	8.8	13.0	-4.1	25.7	14.5	19.7	17.0	16.4
Kim ngạch nhập khẩu (y/y%)	31.4	14.5	25.3	14.6	11.5	14.1	10.0	19.2	-2.8	40.2	18.9	22.8	14.1	20.2
Cán cân thương mại (triệu USD)	-361	3,402	2,488	4,192	2,320	2,029	1,201	566	3,128	-1,550	1,635	577	551	2,826
Sản xuất công nghiệp (y/y%)	10.0	12.4	11.1	8.4	8.3	7.1	8.0	8.8	-1.0	17.2	9.9	9.6	9.6	10.8
Markit PMI index	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8	49.8	48.9	49.2	50.5	45.6	49.8	48.9
Lãi suất LNH (qua đêm)	2.85	4.39	4.37	4.02	4.44	3.54	3.11	4.04	3.92	4.59	4.61	2.54	3.10	6.45
Tỷ giá (VND:USD) (y/y%)	-7.70	-7.39	-6.20	-3.22	-1.12	-2.81	-4.34	-4.77	-2.57	-3.49	-2.95	-2.60	-2.23	-2.62
VN Index (y/y%)	17.35	11.17	2.34	4.89	11.59	22.98	14.29	12.11	8.65	4.20	1.77	1.39	5.62	10.50
Tỷ giá (VND:USD)	25,440	25,445	25,235	24,860	24,555	25,270	25,344	25,480	25,060	25,530	25,565	26,005	26,022	26,130
VN Index	1,262	1,245	1,252	1,284	1,288	1,264	1,250	1,267	1,265	1,305	1,307	1,226	1,333	1,376

Nguồn: CEIC, HSC

Tăng trưởng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2025 nhưng khó khăn bắt đầu xuất hiện

Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng mạnh mẽ 7,52% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025, mức tăng mạnh nhất trong 6 tháng đầu năm kể từ năm 2011. Đóng góp chính vào tăng trưởng bao gồm ngành công nghiệp chế biến & chế tạo, xây dựng, dịch vụ lưu trú và logistic, trong khi tích lũy tài sản và tiêu dùng cũng cải thiện. Kim ngạch thương mại tăng mạnh, đặc biệt là KNXX sang Mỹ, nhờ việc đẩy mạnh xuất khẩu trước khi giai đoạn tạm hoãn chính sách thuế quan kết thúc, mặc dù chỉ số PMI và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu của Việt Nam cho thấy những dấu hiệu kém tích cực trong 6 tháng cuối năm 2025. Dòng vốn FDI vẫn vững chắc với FDI thực hiện đạt mức cao nhất trong 5 năm qua và giải ngân đầu tư công cũng cải thiện. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,27% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025. Tuy nhiên, những rủi ro mới xuất hiện như đã tăng trưởng ngành du lịch suy yếu, các quyết định về chính sách thuế quan sắp tới và tác động của các quy định thuế mới đối với các hộ kinh doanh gia đình có thể ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng trong 6 tháng cuối năm, từ đó cho thấy nhu cầu đối với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Từ đó - và sau khi phân tích toàn diện hơn - HSC vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2025 đạt 6,5%.

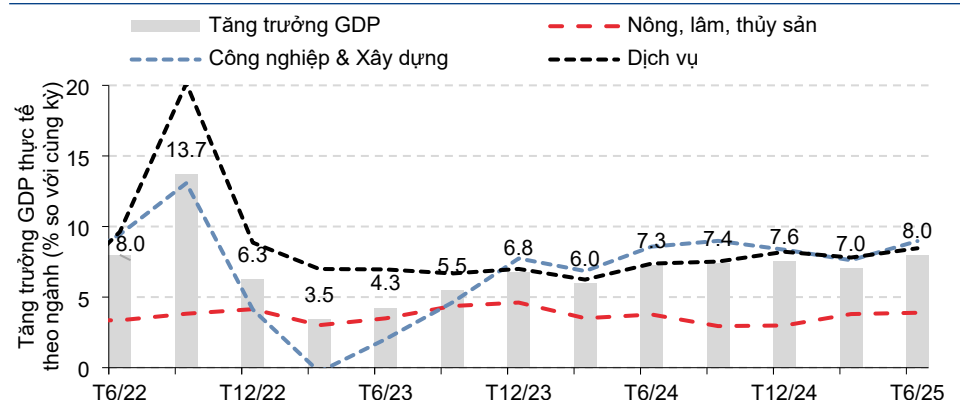
Phân tích GDP Q2/2025

GDP Q2/2025 của Việt Nam tăng 7,96% so với cùng kỳ, tăng tốc sau khi tăng 7,05% so với cùng kỳ (đã điều chỉnh tăng) trong Q1/2025, cao hơn [dự báo](#) của chúng tôi (tăng 7,1% so với cùng kỳ) và trung vị của một cuộc [khảo sát](#) của Bloomberg (tăng 6,85% so với cùng kỳ)

Tăng trưởng trong quý tăng tốc ở cả 3 khu vực kinh tế. Khu vực nông lâm ngư nghiệp tăng 3,89% so với cùng kỳ, tăng nhẹ sau khi tăng 3,8% so với cùng kỳ trong Q1/2025. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,97% so với cùng kỳ (so với tăng 7,61% so với cùng kỳ trong Q1/2025), trong khi khu vực dịch vụ tăng 8,46% so với cùng kỳ, so với tăng 7,8% so với cùng kỳ trong quý trước (Biểu đồ 2-3).

Biểu đồ 2: Tăng trưởng GDP theo ngành

GDP tăng lên 8% so với cùng kỳ từ mức 7% so với cùng kỳ trong Q1/2025



Nguồn: NSO, HSC

Cụ thể hơn, những ngành tăng trưởng mạnh (dựa trên số liệu tổng thể) bao gồm ngành công nghiệp chế biến & chế tạo (tăng 10,75% so với cùng kỳ), xây dựng (tăng 9,83% so với cùng kỳ), vận tải & kho bãi (tăng 9,37% so với cùng kỳ), lưu trú & ăn uống (tăng 10,7% so với cùng kỳ), giáo dục (tăng 11,47% so với cùng kỳ) và giải trí (tăng 11,09% so với cùng kỳ).

Ngành kinh doanh BĐS tăng 4,47% so với cùng kỳ trong Q2/2025 sau khi tăng 4,35% so với cùng kỳ trong Q1/2025, cho thấy sự phục hồi khiêm tốn. Trong khi đó, dịch vụ bán buôn & bán lẻ tăng 6,73% so với cùng kỳ sau khi tăng 7,35% so với cùng kỳ trong quý trước, trong bối cảnh lo ngại từ các hộ kinh doanh gia tăng do quy định mới về thuế.

Về sử dụng GDP, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2025, so với tăng 5,78% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2024. Tích lũy tài sản cũng tăng trưởng mạnh mẽ, tăng 7,98% so với cùng kỳ so với tăng 6,72% của cùng kỳ trong nửa đầu năm 2024. Trong khi đó, KNXK và KNNK hàng hóa & dịch vụ tăng lần lượt 14,17% và 16,01% so với cùng kỳ, thấp hơn một chút so với tăng lần lượt 16,89% và 16,95% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ 3: Cơ cấu GDP theo ngành

Các ngành ghi nhận mức tăng trưởng vượt mức bình quân trong Q2/2025 bao gồm sản xuất, xây dựng, vận tải & kho bãi, lưu trú & ăn uống và giáo dục

	% so với cùng kỳ				Đóng góp vào GDP (điểm %)	Tỷ trọng GDP
	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q2/25	Q2/25
GDP	7.43	7.55	7.05	7.96	7.96	100%
Nông, lâm, thủy sản	2.95	2.99	3.80	3.89	0.39	9.6%
Nông nghiệp	2.47	2.50	3.53	3.50	0.25	6.8%
Lâm nghiệp	4.06	5.80	7.76	7.16	0.04	0.5%
Thủy sản	4.10	4.24	4.03	4.36	0.10	2.3%
Công nghiệp & Xây dựng	8.98	8.35	7.61	8.97	3.24	36.5%
Công nghiệp	9.34	8.36	7.30	8.79	2.62	30.0%
Khai khoáng	-8.67	-6.50	-6.25	-2.25	-0.06	2.3%
Chế biến, chế tạo	11.35	9.97	9.40	10.75	2.48	23.7%
Điện	8.02	6.48	4.30	4.11	0.15	3.5%
Cấp nước & xử lý chất thải	11.46	10.63	6.84	7.71	0.04	0.6%
Xây dựng	7.43	8.33	9.34	9.83	0.63	6.5%
Dịch vụ	7.52	8.21	7.80	8.46	3.81	45.2%
Bán buôn & Bán lẻ	8.02	9.04	7.35	6.73	0.65	9.5%
Vận tải & Kho bãi	9.88	10.02	10.35	9.37	0.62	6.7%
Lưu trú & Ăn uống	9.01	10.28	10.22	10.70	0.25	2.4%
Thông tin & Truyền thông	6.42	6.72	6.71	7.71	0.44	5.7%
Tài chính, Ngân hàng	7.73	9.26	6.32	6.74	0.34	5.0%
Kinh doanh BĐS	3.91	4.79	4.35	4.47	0.14	3.1%
Khoa học & Công nghệ	7.05	7.13	6.10	6.77	0.18	2.6%
Giáo dục & Đào tạo	6.24	8.00	9.28	11.47	0.36	3.2%
Dịch vụ y tế	5.75	6.16	3.89	4.99	0.07	1.3%
Giải trí	7.80	8.43	9.28	11.09	0.08	0.8%
Thuế sản phẩm không bao gồm trợ cấp	5.96	6.77	5.03	5.85	0.52	8.7%

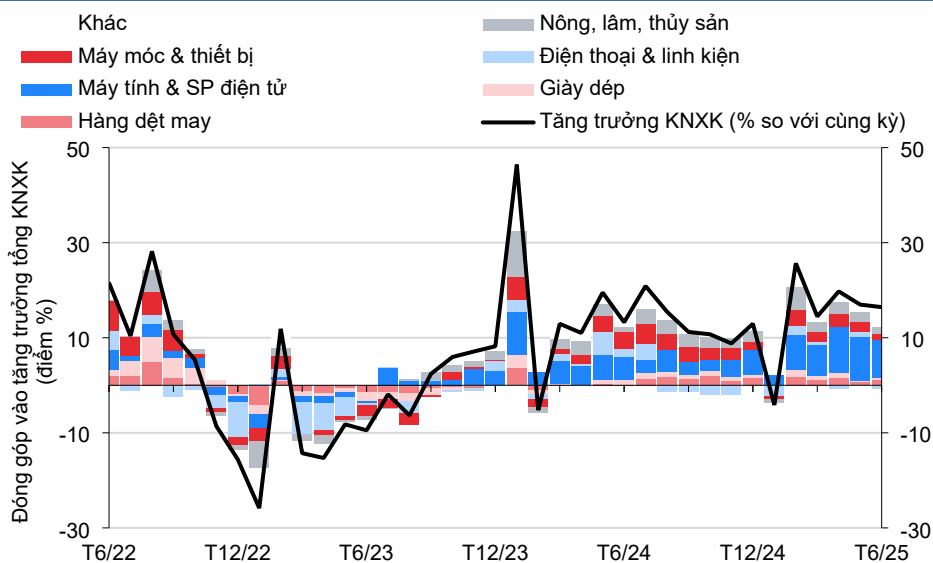
Nguồn: NSO, HSC

KNXK và KNNK tăng lần lượt 14,5% và 17,9% trong 6 tháng đầu năm 2025

Trong tháng 6, KNXK và KNNK tăng lần lượt 16,4% và 20,2% so với cùng kỳ (Biểu đồ 4-5), sát với [dự báo của chúng tôi](#), chủ yếu nhờ hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu trước ngày chính sách thuế quan của Mỹ có hiệu lực.

Biểu đồ 4: Đóng góp vào tăng trưởng KNXX

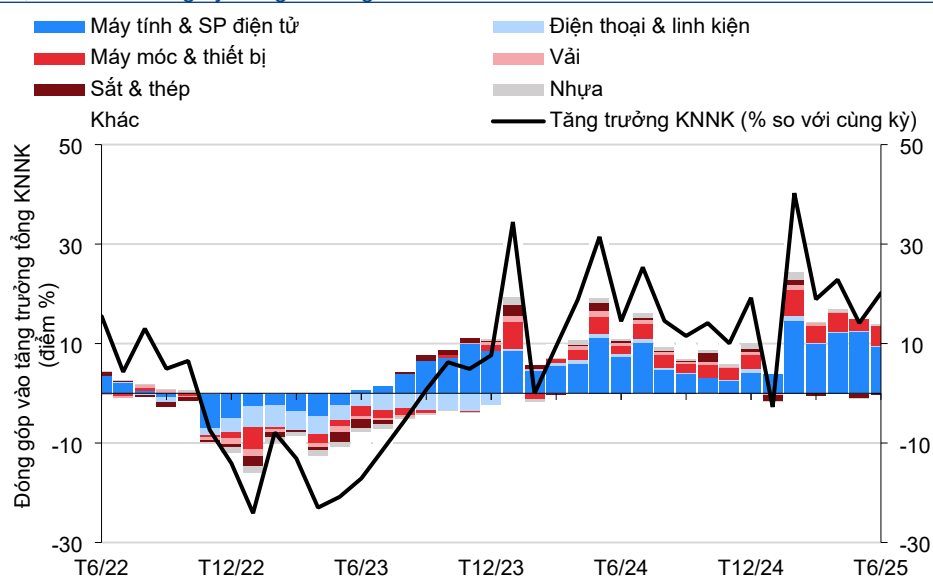
KNXX tăng 16,4% so với cùng kỳ trong tháng 6 (giảm 0,3% so với tháng trước) và tăng 14,5% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025



Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Biểu đồ 5: Đóng góp vào tăng trưởng KNNK

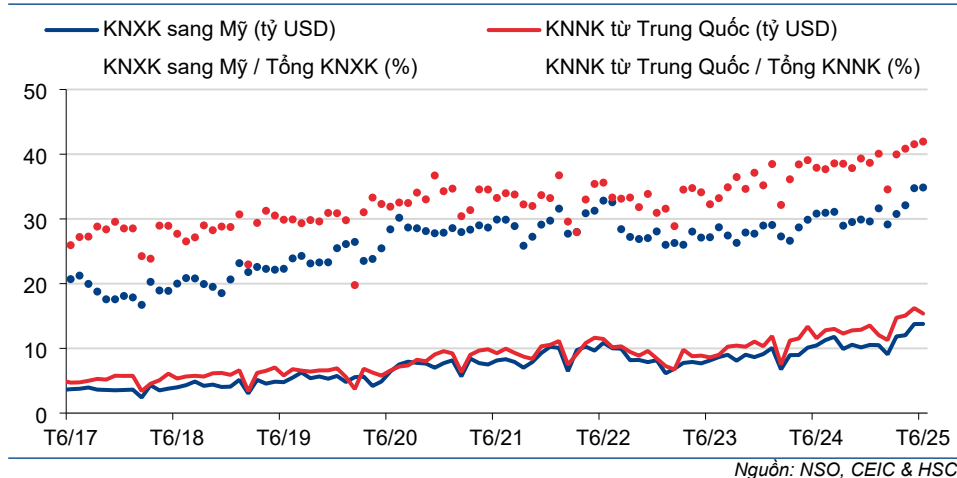
KNNK tăng 20,2% so với cùng kỳ trong tháng 6 (giảm 6,1% so với tháng trước) và tăng 17,9% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025



Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Biểu đồ 6: Việt Nam: KNXK vào Mỹ & KNNK từ Trung Quốc

KNNK từ Trung Quốc tăng 33% so với cùng kỳ và bằng 33% tổng KNNK của Việt Nam



Đáng chú ý, trong tháng, KNXK sang Mỹ tăng mạnh 31,8% so với cùng kỳ sau khi tăng 36% so với cùng kỳ trong tháng 5, tháng tăng trên 30% thứ 4 liên tiếp và đóng góp 35% tổng KNXK của Việt Nam. Trong khi đó, KNNK từ Trung Quốc tăng 33% so với cùng kỳ trong tháng 6 và đóng góp 42% tổng KNNK của Việt Nam (Biểu đồ 6).

So với tháng trước, KNXK giảm 0,3%, trong khi KNNK cũng giảm đáng kể 6,1%. Theo đó, KNXK và KNNK tăng lần lượt 14,5% và 17,9% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2025, so với dự báo cả năm của chúng tôi là tăng trưởng lần lượt 6,8% và 9,5%. Dự báo của chúng tôi cho thấy chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ - hiện thời điểm có hiệu lực đã gia hạn sang ngày 1/8/2025 - sẽ tác động đến triển vọng thương mại của Việt Nam trong nửa cuối năm 2025. Trên thực tế, chỉ số PMI của Việt Nam đã giảm xuống dưới mức 50 điểm trong 5/6 tháng đầu năm 2025 với các đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm trong 8 tháng liên tiếp, cho thấy nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam suy yếu trong thời gian tới trước những lo ngại về thuế quan. Tuy nhiên, nhu cầu xuất khẩu có thể nhanh chóng phục hồi say khi kết quả của các cuộc đàm phán thuế quan rõ ràng hơn - không chỉ đối với Việt Nam (sau khi Tổng thống Trump công bố mức thuế suất 20% gần đây) mà còn đối với các quốc gia xuất khẩu cạnh tranh khác - sau ngày 1/8/2025.

Các mặt hàng xuất khẩu chính có mức tăng trưởng cao nhất trong tháng 6 bao gồm: máy tính & sản phẩm điện tử (tăng 40,9% so với cùng kỳ), máy móc & thiết bị (tăng 17,7% so với cùng kỳ) và phương tiện vận tải khác (tăng 30,2% so với cùng kỳ). Trong khi đó, KNNK máy tính và sản phẩm điện tử (tăng 36,4% so với cùng kỳ) tăng trong tháng thứ 25 liên tiếp. Ngoài ra, KNNK ô tô xe cộ ghi nhận một trong những tháng tăng trưởng mạnh nhất và là tháng tăng trưởng cao thứ 14 liên tiếp, từ đó cho thấy nhu cầu trong nước đối với các sản phẩm xa xỉ tiếp tục phục hồi (Biểu đồ 7-8).

Thặng dư thương mại ước tính đạt 2,8 tỷ USD trong tháng 6, tương đương thặng dư thương mại 6 tháng đầu năm 2025 đạt 7,6 tỷ USD so với thặng dư 12,1 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2024.

Bảng 7: Các sản phẩm đóng góp nhiều nhất & ít nhất vào tăng trưởng KNXK trong tháng 6

Máy tính & SP điện tử, máy móc và phương tiện vận tải khác khác là nhóm sản phẩm đóng góp chính vào tăng trưởng KNXK trong tháng 6

Các mặt hàng xuất khẩu	% so với cùng kỳ	Giá trị (triệu USD)	% tổng KNXK	Các mặt hàng xuất khẩu	% so với cùng kỳ	Giá trị (triệu USD)	% tổng KNXK
Đồ chơi & dụng cụ thể thao	145.6%	858	2.2%	Sắt & thép	-16.4%	612	1.5%
Cà phê	92.1%	678	1.7%	Gạo	-15.3%	274	0.7%
Máy tính & SP điện tử	40.9%	9,269	23.5%	Điện thoại & linh kiện	-5.1%	4,488	11.4%
Máy ảnh, máy quay phim, linh kiện	35.8%	603	1.5%	Cao su	-2.8%	240	0.6%
Sản phẩm sắt & thép	34.4%	472	1.2%	Sợi	-2.1%	345	0.9%
Dây & cáp cách điện	32.8%	387	1.0%	Sản phẩm hóa chất	1.6%	221	0.6%
Phương tiện vận tải khác	30.2%	1,457	3.7%	Giày dép	4.1%	2,127	5.4%
Hạt điều	21.7%	464	1.2%	Gỗ & sản phẩm gỗ	6.3%	1,349	3.4%
Rau quả	20.7%	807	2.0%	Thủy sản	8.0%	906	2.3%
Kim loại thường khác	18.0%	390	1.0%	Túi xách	8.2%	396	1.0%

Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Bảng 8: Các sản phẩm đóng góp nhiều nhất & ít nhất vào tăng trưởng KNNK trong tháng 6

Nhóm mặt hàng máy tính & SP điện tử, máy móc và xe cộ ghi nhận một trong những tháng tăng trưởng mạnh nhất

Các mặt hàng nhập khẩu	% so với cùng kỳ	Giá trị (triệu USD)	% tổng KNNK	Các mặt hàng nhập khẩu	% so với cùng kỳ	Giá trị (triệu USD)	% tổng KNNK
Phân bón	97.0%	302	0.8%	Thức ăn gia súc	-21.2%	334	0.9%
SP kim loại thường khác	59.9%	424	1.2%	Than đá	-12.0%	645	1.8%
Cotton	48.9%	267	0.7%	Sắt & thép	-10.6%	834	2.3%
Dược liệu	34.5%	469	1.3%	Dầu thô	-8.3%	557	1.5%
Thủy sản	34.4%	274	0.7%	Vải	-2.0%	1,220	3.3%
Dây và cáp cách điện	33.0%	362	1.0%	Hóa chất	-0.9%	667	1.8%
Máy móc, thiết bị	32.8%	5,095	13.9%	Sản phẩm điện tiêu dùng	-0.3%	189	0.5%
Ô tô nhập khẩu nguyên chiếc các loại	32.2%	407	1.1%	Khí dầu mỏ hóa lỏng	3.3%	190	0.5%
Máy tính & SP điện tử	32.1%	11,729	32.0%	Cao su	4.0%	240	0.7%
Hạt điều	30.7%	419	1.1%	Sản phẩm hóa chất	4.6%	651	1.8%

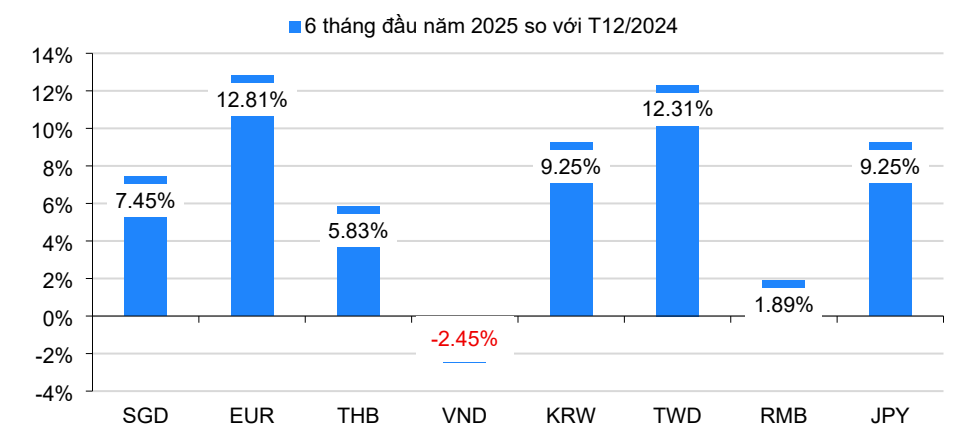
Nguồn: NSO, CEIC & HSC

VND mất giá so với các đồng tiền khác, giảm 2,5% trong 6 tháng đầu năm 2025

Đồng USD vẫn ở mức thấp nhất trong 1 năm qua do các đồng tiền khác trong khu vực phục hồi mạnh mẽ (Biểu đồ 9). Tuy nhiên, như đã phân tích trong các báo cáo trước đó, đồng VND tiếp tục mất giá 2,5% trong 6 tháng đầu năm 2025, so với dự báo cả năm của chúng tôi là mất giá 4,2%.

Biểu đồ 9: Biến động tỷ giá của các đồng tiền lớn so với đồng USD trong 6 tháng đầu năm 2025

Trong 6 tháng đầu năm 2025, đồng VND đã giảm 2,5% so với đồng USD



Nguồn: Investing.com, CEIC & HSC

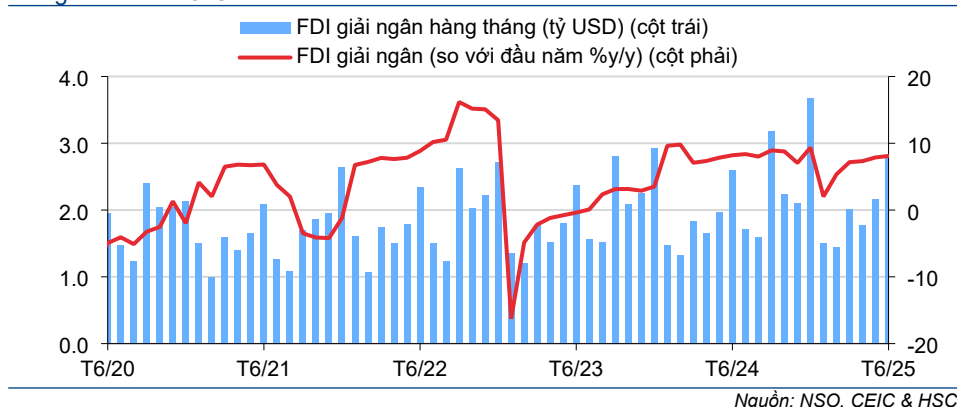
FDI thực hiện và đăng ký đều tăng trong 6 tháng đầu năm 2025

Trong tháng 6, FDI thực hiện tăng 8,8% so với cùng kỳ (Biểu đồ 10), trong khi đó FDI đăng ký giảm 23,1% so với cùng kỳ.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, cả FDI thực hiện (11,7 tỷ USD) và FDI đăng ký (21,5 tỷ USD) đều tăng vững chắc, tăng lần lượt 8,1% và 32,6% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, FDI thực hiện 6 tháng đầu năm đạt mức cao nhất trong 5 năm vừa qua.

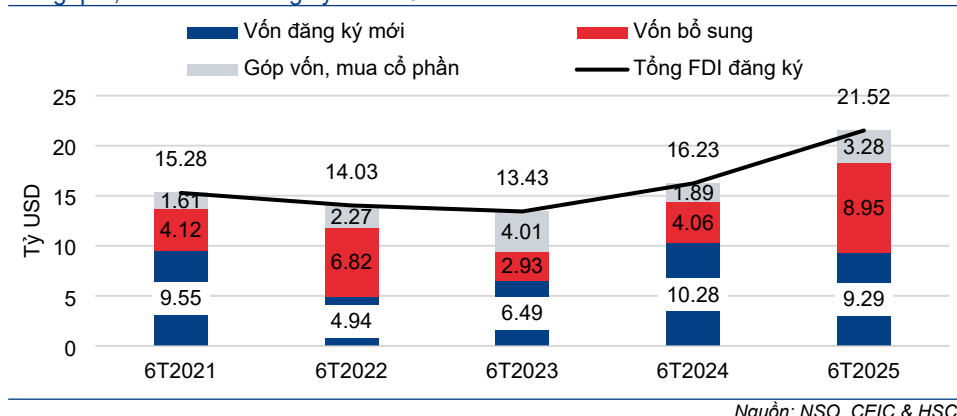
Biểu đồ 10: FDI thực hiện hàng tháng

FDI thực hiện tăng 8,8% so với cùng kỳ trong tháng 6 & tăng 8,1% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025



Biểu đồ 11: FDI đăng ký theo cơ cấu

Trong 6 tháng đầu năm 2025, vốn bổ sung từ điều chỉnh dự án tăng mạnh lên 8,95 tỷ USD, cao gấp 2,2 lần so với cùng kỳ năm 2024



Cơ cấu đăng ký đầu tư, tổng vốn đăng ký mới đạt 9,29 tỷ USD, giảm 9,6% so với mức nền cao cùng kỳ. Trong khi đó, vốn bổ sung cho các dự án hiện hữu tăng mạnh lên 8,95 tỷ USD, tăng 2,2 lần so với cùng kỳ. Góp vốn & mua cổ phần đạt 3,28 tỷ USD, tăng 73,6% so với cùng kỳ (Biểu đồ 11).

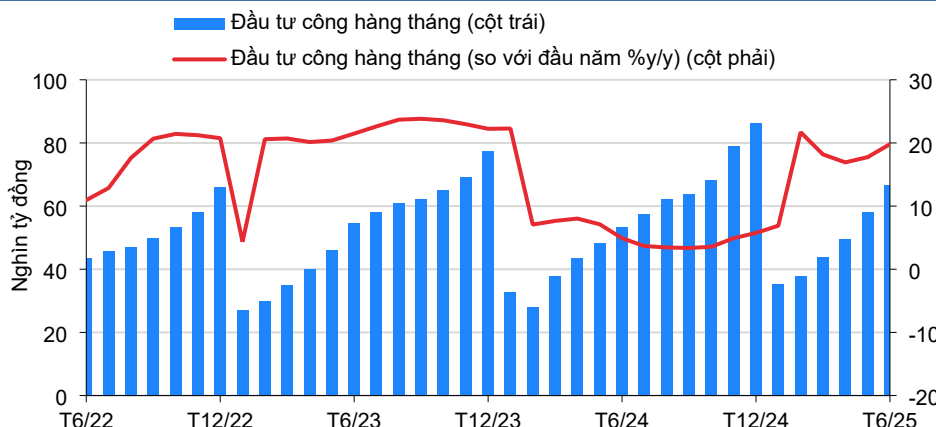
Đầu tư công tăng 19,8% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025

Trong tháng 6, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tăng 25,1% so với cùng kỳ so với giảm 2,3% so với cùng kỳ trong tháng 6/2024. Trong 6 tháng đầu năm 2025, đầu tư công tăng 19,8% so với cùng kỳ, bằng 31,7% kế hoạch cả năm 2025 của Chính phủ (Biểu đồ 12). Trong khi đó, chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đạt 268,1 nghìn tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2025, bằng 33,9% kế hoạch ngân sách ban đầu của năm 2025 (790,7 nghìn tỷ đồng) và tăng 42,3% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy tốc độ giải ngân từ ngân sách nhà nước có sự cải thiện.

Chính phủ ước tính đã thu ngân sách đạt 67,7% kế hoạch năm 2025 so với chi ngân sách đạt 43,2% kế hoạch năm 2025. Do đó, trong 6 tháng đầu năm 2025, ngân sách nhà nước ước tính thặng dư 230 nghìn tỷ đồng so với mục tiêu thâm hụt 471,5 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 (Quyết định 2894 của Bộ Tài chính).

Biểu đồ 12: Đầu tư sử dụng ngân sách công hàng tháng

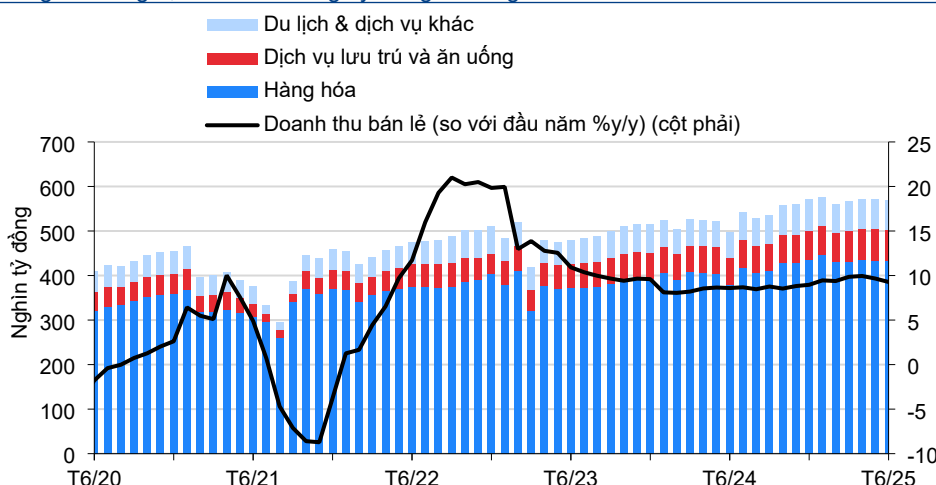
Đầu tư công hàng tháng tăng 25,1% so với cùng kỳ trong tháng 6 & tăng 19,8% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025



Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Biểu đồ 13: Doanh thu bán lẻ hàng hóa & dịch vụ hàng tháng

Doanh thu bán lẻ tăng 8,3% so với cùng kỳ (nhưng giảm 0,2% so với tháng trước) trong tháng 6 & tăng 9,3% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025



Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ tăng 8,3% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024 và tăng 9,3% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025

Trong tháng 6, doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ (570,2 nghìn tỷ đồng) tăng 8,3% so với cùng kỳ (giảm 0,2% so với tháng trước) (Biểu đồ 13). Điều này cho thấy tác động ban đầu của việc chuyển từ chính sách thuế khoán sang kê khai theo doanh thu thực tế. Bắt đầu từ ngày 1/6/2025, theo Nghị quyết 68, [khoảng 37.000 hộ kinh doanh](#) có doanh thu hàng năm từ 1 tỷ đồng trở lên (bao gồm bán lẻ, ăn uống và dịch vụ lưu trú) phải chuyển từ chính sách thuế khoán sang kê khai theo doanh thu thực tế. Những hộ kinh doanh cũng được yêu cầu sử dụng hóa đơn điện tử và hệ thống POS liên kết với cơ quan thuế. Doanh số hàng hóa tăng chậm lại ở mức 6,7% so với cùng kỳ trong tháng 6 so với tăng 8% so với cùng kỳ trong tháng 5, trong khi doanh số dịch vụ lưu trú, thực phẩm & đồ uống cũng tăng chậm lại ở mức 14,1% so với cùng kỳ sau khi tăng 19,1% so với cùng kỳ trước đó, đóng góp 12,3% tổng doanh số.

Trong nửa đầu năm 2025, doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ tăng 9,3% so với cùng kỳ, so với tăng 8,9% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2024 và thấp hơn một chút so với dự báo cả năm của chúng tôi (tăng trưởng 10%) (Mời xem: [‘Triển vọng nền kinh tế Việt Nam trước thêm cuộc cải cách 2.0’](#), 2/6/2025, HSC).

Số lượng du khách quốc tế tăng 17,1% so với cùng kỳ trong tháng 6/2025 và tăng 20,7% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025

Trong tháng 6, số lượng du khách quốc tế tăng 17,5% so với cùng kỳ (giảm 4,3% so với tháng trước) đạt 1,46 triệu lượt khách, tháng giảm so với tháng trước thứ 3 liên tiếp, cho thấy đà hồi phục sau dịch COVID-19 có thể đã chạm đỉnh. Điều này cho thấy Chính phủ cần phải hỗ trợ nhiều hơn, đặc biệt thông qua việc mở rộng chính sách miễn thị thực, để phục hồi tăng trưởng du lịch.

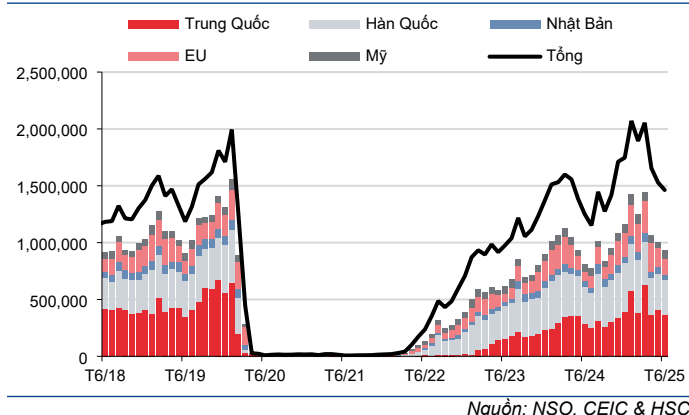
Trong số 3 thị trường hàng đầu, Trung Quốc dẫn đầu trong tháng thứ 4 liên tiếp với 364.801 lượt khách (tương đương 104,9% mức trước dịch COVID-19), tiếp theo là Hàn Quốc với 303.130 lượt khách (tương đương 96,4% mức trước dịch COVID-19) (Biểu đồ 14-15).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, số lượng du khách quốc tế đạt 10,7 triệu lượt khách (tăng 20,7% so với cùng kỳ), tương đương 126% mức trước dịch COVID-2019 và sát với dự báo của chúng tôi

Trong năm 2025, HSC dự báo số lượng du khách quốc tế sẽ đạt 20,5 triệu lượt, tăng trưởng 17% so với 17,6 triệu lượt trong năm 2024 (Mời xem: [Triển vọng Việt Nam năm 2025-2026: Vàng vàng trước biển động toàn cầu](#), 6/12/2024, HSC).

Biểu đồ 14: Số lượng khách du lịch quốc tế hàng tháng

Số lượng khách du lịch trong tháng 6 đạt 1,46 triệu lượt (tăng 17,1% so với cùng kỳ) và đạt 10,7 triệu lượt trong 6 tháng đầu năm 2025



Biểu đồ 15: Số lượng khách quốc tế hàng tháng theo quốc gia

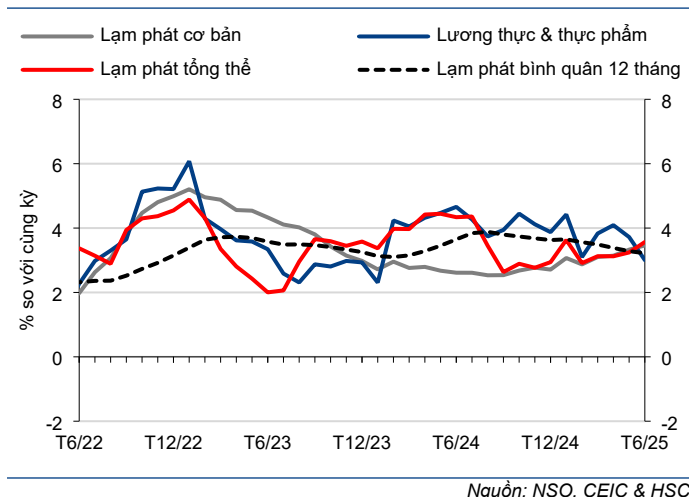
Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ và Campuchia chiếm 75% tổng số lượng khách quốc tế tới Việt Nam

Quốc gia	Số lượng	% so với cùng kỳ	Tỷ trọng
Trung Quốc	364,801	27%	25%
Hàn Quốc	303,130	-8%	21%
EU	138,750	66%	9%
Đài Loan	97,089	-4%	7%
Mỹ	73,715	14%	5%
Nhật Bản	51,162	10%	3%
Malaysia	46,352	18%	3%
Campuchia	35,753	3%	2%
Australia	34,869	16%	2%
Thái Lan	30,154	4%	2%

Nguồn: NSO, CEIC & HSC

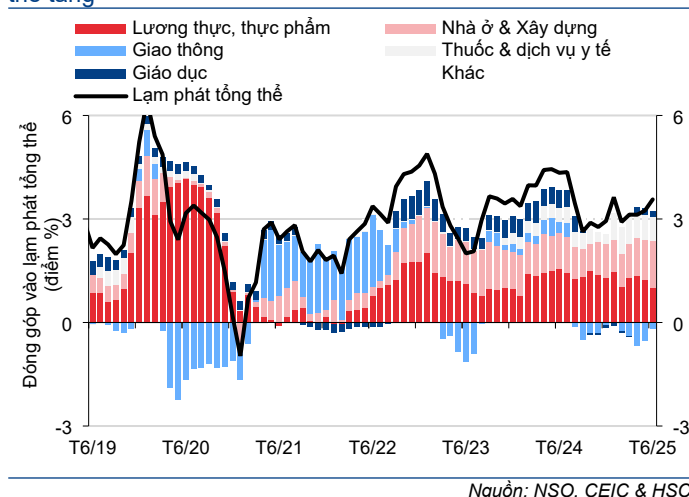
Biểu đồ 16: Lạm phát tổng thể

CPI tăng lên 3,57% so với cùng kỳ trong tháng 6



Biểu đồ 17: Đóng góp vào lạm phát tổng thể

Đóng góp từ nhóm nhà ở & vật liệu xây dựng vào lạm phát tổng thể tăng



CPI tăng 3,57% so với cùng kỳ trong tháng 6/2025 và tăng 3,27% trong 6 tháng đầu năm 2025

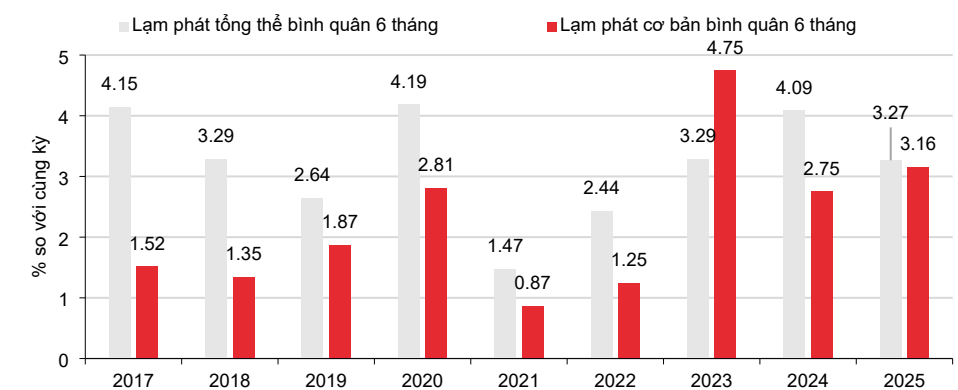
Trong tháng 6, CPI tổng thể tăng 3,57% so với cùng kỳ (tăng 0,48% so với tháng trước) sau khi tăng 3,24% so với cùng kỳ trong tháng 5, cao hơn một chút so với [dự báo](#) của chúng tôi (Biểu đồ 16), chủ yếu do đóng góp lớn hơn từ chi phí nhà ở & vật liệu xây dựng (Biểu đồ 17). Ngoài ra, chi phí giao thông tăng 1,66% so với tháng trước, từ đó lạm phát của nhóm này chỉ còn giảm 1,87% so với cùng kỳ trong tháng 6 sau khi giảm 5,66% so với cùng kỳ trong tháng 5. Trong tháng, giá xăng dầu trong nước tăng 4,12% sau những điều chỉnh hàng tuần theo diễn biến của thị trường toàn cầu.

Trong khi đó, lạm phát cơ bản tăng 3,46% so với cùng kỳ sau khi tăng 3,33% so với cùng kỳ trong tháng 5 (Biểu đồ 16), cho thấy xu hướng tăng trong tháng thứ 4 liên tiếp.

Trong nửa đầu năm 2025, lạm phát tổng thể tăng 3,27% so với cùng kỳ (Biểu đồ 18), thấp hơn [dự báo](#) cả năm của chúng tôi (tăng 3,4%)

Biểu đồ 18: Lạm phát tổng thể bình quân & CPI cơ bản: 6 tháng đầu năm 2027 – 6 tháng đầu năm 2025

Trong 6 tháng đầu năm 2025, lạm phát tổng thể tăng 3,27%, thấp hơn so với dự báo cả năm của HSC là 3,4%



Nguồn: NSO, CEIC & HSC

Bảng 19: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024E	2025F	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,600	26,800	26,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,619	3,646	3,622
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	6.50	6.20	7.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	494	524	560
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	4,833	5,078	5,378
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.64	2.48	2.68
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	37.3	38.6	40.1
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.6	35.2	37.0
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.71	4.21	4.67
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.7	142.6	148.7	155.6
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.3	5.2
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.50	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.3	3.2
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	3.5	3.4
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.00	4.00	4.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	3.8	3.3	3.3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	15.1	16.0	13.0	14.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,243	22,875	25,849
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	13.0	13.0	13.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	78	75	85
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	4.6	4.7	4.7
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.0	3.1	3.2
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3	3.4
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.8	16.2	10.2	13.2
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	18.0	13.0	15.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	417	432	464
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	9.5	3.5	7.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	433	442	477
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.3	6.8	2.0	8.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	162	172	177
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.7	29.3
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	42.0	40.8	44.9
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	6.5	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	6.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	5.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	10.0	10.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Bảng 20: Lịch các sự kiện kinh tế

Sự kiện	Ngày	Thời gian	Địa điểm	Công ty / Tổ chức
Q2/25: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T6-25)	Thứ 7, 5/7/ 2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC	29 – 30/7/2025		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T7-24)	Thứ 6, 1/8/2025	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Việt Nam: CPI, giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T7-25)	Thứ 4, 6/8/2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Việt Nam: PMI sản xuất (T8-25)	Thứ 2, 1/9/2025	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Việt Nam: CPI, giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T8-25)	Thứ 7, 6/9/2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC (với bản tóm tắt các dự báo kinh tế)	16 – 17/9/2025		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T9-25)	Thứ 4, 1/10/2025	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Q3/25: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T9-25)	Thứ 2, 6/10/2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC	28 - 29/10/2025		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T10-25)	Thứ 2, 3/11/2025	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Việt Nam: CPI, giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T10-25)	Thứ 5, 6/11/2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Việt Nam: PMI sản xuất (T11-25)	Thứ 2, 1/12/2025	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Việt Nam: CPI, giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T11-25)	Thứ 7, 6/12/2025		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê
Cuộc họp FOMC (với bản tóm tắt các dự báo kinh tế)	9 – 10/12/2025		Mỹ	Cục Dự trữ Liên bang
Việt Nam: PMI sản xuất (T12-25)	Thứ 5, 1/1/2026	0:30 UTC	Anh	IHS MARKIT
Q4/25: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T12-25)	Thứ 3, 6/1/2026		Hà Nội	Tổng Cục Thống kê

Nguồn: Markit, Fed, NSO, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn